ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2099/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 4 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 183/TTr-SNN ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực Nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng mới quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục

hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:2099/QĐ-UBND ngày 4 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	DVC trực tuyến *(mức độ)*	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị *(Đối với các dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thành, thị).*	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trình tự thực hiện thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/ 2023).*	***1. Trực tiếp:*** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện ***2. Trực tuyến:*** Địa chỉ truy cập : *https://www.dichvucong.phutho.gov.vn* ***3. Dịch vụ Bưu chính công ích***	Không quy định	Toàn trình	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. - Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ

						nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. - Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. - Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.
2	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Áp*	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	***1. Trực tiếp:*** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của	Không quy định	Toàn trình	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các

	dụng đối với trường hợp UBND cấp huyện là cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất).	*(Trình tự thực hiện thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/ 2023).*	UBND cấp huyện ***2. Trực tuyến:*** Địa chỉ truy cập : *https://www.dichvucong.phutho.gov.vn* ***3. Dịch vụ Bưu chính công ích***			Chương trình mục tiêu quốc gia. - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. - Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. - Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai

						đoạn 2021 - 2025. - Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

1. Phê duyệt hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị *(Đối với các dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thành, thị).*

a) Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chủ trì liên kết nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện *(các dự án, kế hoạch liên kết thuộc chương trình nào thì gửi cơ quan thường trực chương trình đó thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì yêu cầu đơn vị chủ trì liên kết bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được giao chủ trì của Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện tham mưu cho UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết (gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

- Trong thời gian 10 ngày làm việc Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Hội đồng thẩm định có tờ trình trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì cơ quan chủ trì tương ứng của Hội đồng thẩm định phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Đơn vị chủ trì liên kết biết.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp; trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết *(Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Nội dung dự án, kế hoạch liên kết *(Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết *(Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Bản sao *(công chứng hoặc chứng thực)* giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Quyết định thành lập; văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết.

+ Bản sao *(công chứng hoặc chứng thực)* giấy chứng nhận, hoặc cam kết về

tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; hợp đồng liên kết; văn bản khác (nếu có) theo quy định của bộ, cơ quan trung ương.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:** Đơn vị chủ trì liên kết

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính *(nếu có):*

- Trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

+ Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

+ Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

+ Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTB XH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông tư số 04/2022/TT-BNNPT NT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN, KẾ HOẠCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/….	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi: …… *(tên cơ quan được giao chủ trì)*

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án: .....
Người đại diện theo pháp luật: .....
Chức vụ: .....
Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập ……. ngày cấp.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ……..……. Fax: …….. Email: .....
Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia …….., (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị [(1)]:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ: .....
2. Địa bàn thực hiện: .....
3. Quy mô dự án, kế hoạch: .....
4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ *(thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)*
2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ: .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

III. CAM KẾT: ……. (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): ……/.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TÊN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ……., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: …… Fax: ……. Email: .....

2. Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết

3. Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: …… Fax: ……. Email: .....

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số…….., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: …… Fax: …….. Email: .....

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và đơn vị tham gia liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

4. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia dự án, liên kết

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II
NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

(Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III
CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí

hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Ngày ... tháng ... năm ..., tại……,…..……chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….. , ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: …… Fax: …… Email: .....

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….. , ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: …… Fax: …… Email: .....

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết

2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết

3. Quy mô liên kết

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch

2. Số vốn đề nghị hỗ trợ

3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án, kế hoạch liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành …… bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ …….. bản, chủ trì liên kết giữ …… bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

2. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Áp dụng đối với trường hợp UBND cấp huyện là cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất).*

a. Trình tự thực hiện:

- Đại diện cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, nơi được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì yêu cầu đại diện cộng đồng dân cư bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Tổ thẩm định có tờ trình trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Tổ thẩm định phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất biết.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp; trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất của cộng đồng *(Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Biên bản họp cộng đồng *(Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng *(Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Bản cam kết của hộ gia đình *(Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ).*

+ Bản photo hợp đồng tiêu thụ *(nếu có).*

- Số lượng: 10 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết hồ sơ

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

***e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:** Cộng đồng dân cư.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính *(nếu có):*

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo)

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTB XH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông tư số 04/2022/TT-BNNPT NT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Mẫu số 04

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Số …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hanh Phúc

……, ngày ……. tháng ….. năm …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi: UBND xã..... (hoặc UBND cấp huyện.....)

Cộng đồng dân cư:……..
Người đại diện: ……...
Chức vụ: ……..
CMTND/CCCD: …….....ngày cấp.....Nơi cấp.....
Địa chỉ:……
Điện thoại: ..... Fax:.....Email:……..

Căn cứ chính sách……*(Cộng đồng dân cư)* đề nghị.....*(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng)*:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất:……

2. Địa bàn thực hiện:……

3. Quy mô:…….

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:……

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết *(nêu cụ thể từng nội dung đề nghị nhà nước hỗ trợ):*

……

……

2. Tổng vốn, kinh phí dự kiến đề nghị hỗ trợ: ……..

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ *(nếu hỗ trợ trong nhiều năm)*: .....

III. CAM KẾT:…….. (tên Cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quyđịnh khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bêntham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đảm bảo thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO*(liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)*:…….

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu;

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

UBND XÃ……...
KHU……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hanh Phúc

……, ngày ……. tháng ….. năm …..

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG

Hôm nay, ngày.....tháng ....năm....., tại thôn.....xã.....huyện ....., nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án ..... như sau:

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ: Trưởng khu dân cư.
-Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... .Chức vụ: ……

II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã:…….
- Đại diện thôn (nơi triển khai dự án): .....
- Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác): ……....
- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn thôn

III. Nội dung cuộc họp.

1. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): Thống nhất tên dự án: .....; Thông qua nội dung, điều kiện và cơ chế hỗ trợ; Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án; Tổng số hộ tham cuộc họp bình xét.....hộ; Tổng số hộ được lựa chọn tham gia dự án: .....hộ, trong đó: hộ nghèo…..hộ, hộ cận nghèo:.... hộ, hộ mới thoát nghèo…..hộ; lập danh sách các đối tượng tham gia dự án.

3. Đối tượng tham gia:……..

4. Thời gian triển khai:……..

5. Địa bàn thực hiện:……....

6. Các hoạt động của dự án:.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia :

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có): .....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:……

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:……

11. Tổ chức thực hiện dự án: ……...

12. Các nội dung liên quan khác.....

Cuộc họp đã kết thúc vào …… giờ cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản.

Thư ký	**Đại diện nhóm hộ/Tổ hợptác/cộng đồng**	**Trưởng khu dân cư**	**Đại diện UBND Xã***(ký, ghi rõ họ tên)*
(ký, ghi rõhọ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, ghi rõ họ tên)*	

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng…..năm 20…..

TÊN DỰ ÁN ……..

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): .....

3. Đối tượng tham gia:.....số lượng: .....hộ (có danh sách kèmtheo)

4. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc .....

5. Địa bàn thực hiện:……..

6. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm: …… ……

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án và phân kỳ theo từng năm; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và phần đóng góp của các hộ gia đình tham gia).

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có): *(nêu rõ số tiền quay vòng phải thu, hình thức thu, thời gian thu...).*

9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:……..

10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; (nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường...)

11. Nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật:……

12. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):……

13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:……..

14. Tổ chức thực hiện dự án: .....

15. Các nội dung liên quan khác: …….

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN
CƯ*(ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng…..năm 20…..

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
THAM GIA DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Họ và tên chủ hộ: …….....

2. Địa chỉ: Khu.....,xã…….....,huyện…….....

3. Số CCCD/CMTND:....., do cơ quan công an..... cấp, ngày....., tháng....., năm 20...

4. Số điện thoại: ……

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.

3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án.

4. Thực hiện luân chuyển hiện vật hoặc tiền quay vòng theo phê duyệt dựán/phương án của cấp có thẩm quyền (nếu có).

5. Nếu vi phạm cam kết, Tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản; cá nhân giữ 01 bản.

Đại diện nhómtrưởng/Tổ trưởng	**Đại diện UBND Xã**	**Đại diện hộ tham gia**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(ký, ghi rõ họ tên)*